

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ GSP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ GSP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400926159

3. Ngày thành lập: 24/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 585 Lê Lợi, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0926027666

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ loại nhà nước cấm)	4649
6.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm) Chi tiết: Kinh doanh các loại hoá chất phục vụ cho sản xuất công nghiệp; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn các loại nhựa tái chế, thành phẩm.	4669
9.	Khai thác gỗ	0220
10.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
11.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng kinh doanh của công ty	8299
13.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (không bao gồm hoạt động đầu giá)	6810

14.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820
15.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
16.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
17.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
18.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
19.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
20.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
22.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
23.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
24.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
25.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
26.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: sản xuất các loại khí và hoá chất dùng cho sản xuất công nghiệp	2011
27.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
28.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (trừ loại nhà nước cấm)	4784
29.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ loại nhà nước cấm)	4789
30.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
31.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
32.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
33.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
34.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932(Chính)
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
36.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
37.	Bốc xếp hàng hóa	5224
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
40.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
41.	Cơ sở lưu trú khác	5590
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
43.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
44.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

45.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
46.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
47.	Thu gom rác thải độc hại	3812
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
49.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
50.	Tái chế phế liệu	3830
51.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
52.	Xây dựng nhà để ở	4101
53.	Xây dựng nhà không để ở	4102
54.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
55.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
56.	Xây dựng công trình điện	4221
57.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
58.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
59.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
60.	Xây dựng công trình thủy	4291
61.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
62.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
63.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
64.	Phá dỡ	4311
65.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
66.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
68.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN VĂN THỊNH	Việt Nam	Thôn Tân Văn 1, Xã Tân Đình, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	5.440.000.000	68,000	121465654	

2	NGUYỄN HỒNG QUANG	Việt Nam	Thôn Tân Văn 1, Xã Tân Dĩnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	2.560.000.000	32,000	122271845	
---	-------------------------	-------------	--	---------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN THỊNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/08/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *121465654*

Ngày cấp: *08/08/2018*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Tân Văn 1, Xã Tân Dĩnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Tân Văn 1, Xã Tân Dĩnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang